

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày: 01-6-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Bùi Dân An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thành N, sinh năm 1997, tại T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số nhà 17, hẻm số 77, đường Nguyễn Chí T, Tổ 30, khu phố L, phường LT, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Võ Thị N T; có vợ là Võ Thị Thanh H (đã ly thân từ tháng 12-2018) và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 26-12-2019, tạm giam ngày 03-01-2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 26-12-2019 tại nhà ở của Trần Văn K số 86, khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh T, lực lượng cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an thị xã H bắt quả tang Lê Thành N đang bán cho K một bạch ma túy với giá

200.000 đồng. Tang vật thu giữ gồm: thu giữ của K 200.000 đồng, thu giữ của N 06 bịch nylon màu trắng hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu M.

Quá trình điều tra xác định được N là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài và có ma túy sử dụng N nhiều lần đến khu vực ấp LH, xã T, thị xã H gặp đối tượng tên “Queo đen” và “Quân” không rõ lai lịch để mua ma túy, mỗi lần mua từ 1.100.000 đồng đến 2.200.000 đồng. Sau đó N về chia nhỏ thành nhiều gói để dành bán cho các đối tượng nghiện ma túy.

Tại cơ quan điều tra N đã Ki ra các lần phạm tội của mình trước đó như sau:

- Ngày 22-12-2019, bán cho Trần Văn K 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng;
- Ngày 24-12-2019, bán cho Trần Văn K 01 bịch ma túy với giá 1.700.000 đồng;
- Ngày 19-12-2019, Nguyễn Hoàng T chở N đến nhà Nguyễn Hoàng K bán ma túy cho K 01 bịch ma túy 500.000 đồng (Thông không biết việc N bán ma túy);
- Ngày 23-12-2019, K cùng Nguyễn Thanh T đến nhà N thuê để ở mua của N một bịch ma túy với giá 500.000 đồng.
- Ngày 10-12-2019, bán cho Nguyễn Tuấn A 01 bịch ma túy với giá 150.000 đồng;
- Ngày 22-12-2019, bán cho Nguyễn Tuấn A 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng;
- Ngày 26-12-2019, trong lúc N bị bắt giữ và được áp giải về nơi ở để khám xét khẩn cấp thì Tuấn Anh đi cùng Mai Anh K đến gặp N để mua 200.000 đồng ma túy nên bị Công an thị xã H mời về làm việc.

Ngoài ra N còn bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ.

Tại kết luận giám định số 1893/KL-KTHS ngày 29-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 06 bịch nylon ký hiệu M gửi đến giám định là chất ma túy; là loại Methamphetamin; khối lượng 6,1227gam.

Đối với Trần Văn K, Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thanh T, Mai Anh K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển giao cho địa phương xử lý hành chính.

Các đối tượng “Queo đen”, “Quân” bán ma túy cho N, hiện chưa xác định được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Bị cáo Lê Thành N không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSND-HT ngày 16-4-2020 của Viện Kiểm sát

nhân dân thị xã H, tỉnh T đã truy tố bị cáo Lê Thành N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:* Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật đối với bị cáo Lê Thành N và đề nghị áp dụng các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, các điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Trong thời gian bị cáo bị tạm giam, bị cáo thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm về hòa nhập cộng đồng, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 26-12-2019 N đang bán ma túy cho Trần Văn K thì bị bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm thu giữ của K 200.000 đồng, thu giữ của N 06 bìch nylon màu trắng hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu M. Quá trình điều tra xác định được để có ma túy bán cho các đối tượng nghiện, N gặp các đối tượng “Queo đen” và “Quân” không rõ lai lịch để mua ma túy, mỗi lần mua từ 1.100.000 đồng đến 2.200.000 đồng sau đó về chia nhỏ ra để bán cho các đối tượng nghiện. N cũng Ki nhận đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng khác cụ thể: bán cho Trần Văn K 02 lần, Nguyễn Hoàng K 02 lần, Nguyễn Tuấn A (Bảo Anh) 02 lần. Kết luận giám định 06 bìch nylon ký hiệu M gửi đến giám định là chất ma túy; là loại Methamphetamin; khối lượng 6,1227gam. Hành vi của bị cáo N có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, làm gia tăng tệ nạn và các tội phạm về ma túy, gây ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con người, hủy hoại sức khỏe, giảm khả năng lao động, tăng nguy cơ lây nhiễm các căn bệnh HIV-AIDS và là một trong những nguyên nhân gây ra tội phạm khác; nên cần phải có hình phạt

tương xứng đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bị bắt bị cáo tự Ki ra những lần phạm tội của mình trước đó, ngoài ra trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng: 01 gói niêm phong ghi vụ số 1893/KL- KTHS, có chữ ký của giám định viên Võ Quốc T, trợ lý Trần Thanh T và dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T là chất ma túy, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy. Một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “Jet”, đã qua sử dụng; một bóp màu nâu, nhãn hiệu “LEATHER”, đã qua sử dụng; một bình nhựa nhãn hiệu “Sting” trên nắp bình có gắn một ống nhựa và một ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy đá; một bật lửa màu trắng, đã qua sử dụng, một cây kéo bằng K loại, đã qua sử dụng, một ống K loại màu trắng cắt xéo một đầu; hai ống thủy tinh trong suốt; một ống hút màu cam; hai bịch nylon loại bóp dính miệng màu trắng; hai bịch nylon hàn kín ba cạnh màu trắng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Một điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 355828090718995, đã qua sử dụng của bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô hiệu DreamII Wavina, biển kiểm soát 52U1-0356, số khung VAVDCGOF4AV000153, số máy VHLFM150FMG000153, đã qua sử dụng là xe bị cáo cầm của một người không rõ họ tên, xe không có giấy tờ. Bị cáo không phải là chủ sở hữu hợp pháp tuy nhiên bị cáo sử dụng xe này để làm phương tiện mua bán ma túy, cơ quan Công an cũng đã tiến hành tra cứu tìm chủ phương tiện nhưng không có kết quả do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 đồng là tiền là tiền bị cáo bán ma túy cho Trần Văn K nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Thành N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào các điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thành N 08 (Tám) năm tù, thời hạn thi hành hình phạt tù được tính từ ngày 26-12-2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi vụ số 1893/KL- KTHS, có chữ ký của giám định viên Võ Quốc T, trợ lý Trần Thanh T và dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “Jet”, đã qua sử dụng; một bóp da màu nâu, có ghi chữ “LEATHER”, đã qua sử dụng; một bình nhựa nhãn hiệu “Sting” trên nắp bình có gắn một ống nhựa và một ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy đá; một bật lửa màu trắng, đã qua sử dụng; một cây kéo bằng K loại, đã qua sử dụng; một ống K loại màu trắng cắt xéo một đầu; hai ống thủy tinh trong suốt; một ống hút màu cam; hai bịch nylon loại bóp dính miệng màu trắng; hai bịch nylon hàn kín ba cạnh màu trắng.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền mặt 200.000 đồng (Số seri TV13681064), một điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 355828090718995, đã qua sử dụng; một xe mô tô hiệu DreamII Wavina, biển kiểm soát 52U1-0356, số khung VAVDCGOF4AV000153, số máy VHLFM150FMG000153 (xe không có giấy tờ).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Lê Thành N phải chịu 200.000 đồng.

Án hình sự sơ thẩm xử công Ki, báo cho bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Công an thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công Ki bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử

lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải

lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau: